

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh  
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ  
Ngành đào tạo: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh  
Mã ngành: 8140111  
Định hướng: Nghiên cứu  
Khoa: Ngoại ngữ

**Trà Vinh, 2021**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7541/QĐ-ĐHTV, ngày 31 tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

### A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (General Information)

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):** Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh  
**Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):** Theory and methodology of English language teaching
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành đào tạo: 8140111
- Hình thức đào tạo: Theo quy định hiện hành
- Định hướng: Nghiên cứu
- Số tín chỉ yêu cầu: 60 tín chỉ
- Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ
- Chương trình đào tạo chuẩn tham khảo:**

Các chương trình đào tạo đã được tham khảo: chương trình thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH BM tiếng Anh của các trường Đại học Cần Thơ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM, Đại học Ngoại ngữ Huế, và University of Tasmania.

### B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Objectives and Program Learning Outcomes)

#### I. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

Chương trình đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, hướng tới mục tiêu đào tạo học viên:

PO1. Tổng hợp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiệu quả;

PO2. Phát triển nghiên cứu khoa học ngành giảng dạy tiếng Anh, thiết kế chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy;

PO3. Kết hợp kiến thức về kiểm tra và đánh giá, tiếp thu ngôn ngữ thứ hai làm cơ sở cho việc giảng dạy và thiết kế bài giảng hiệu quả, phù hợp với người học ở các lứa tuổi;

PO4. Tổng hợp kiến thức văn học và liên văn hóa nhằm hiểu sâu hơn về văn chương, vẻ đẹp văn hóa trên thế giới;

PO5. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chuyên môn giảng dạy tiếng Anh; kỹ năng giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo; tư duy phản biện một cách khoa học

PO6. Đề xuất những sáng kiến có giá trị và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ;

PO7. Tự định hướng, phát triển năng lực cá nhân để thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập trong môi trường quốc tế.

## II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)

### 1. Chuẩn đầu ra

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh trình độ thạc sĩ, định hướng nghiên cứu sẽ có thể:

#### 1.1. Kiến thức

PLO1	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành về lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh phục vụ công tác dạy học và nghiên cứu về tiếng Anh cho các cấp bậc và đối tượng người học khác nhau
PLO2	Kết hợp kiến thức liên ngành về văn hóa, xã hội, công nghệ và các kết quả nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ để phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh.

#### 1.2. Kỹ năng

PLO3	Thiết kế hoạt động dạy và học (bao gồm tài liệu và phương pháp) phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo và nhu cầu của người học.
PLO4	Trình bày báo cáo/ tổ chức tập huấn kết quả nghiên cứu về phương pháp giảng dạy hiệu quả trong lĩnh vực đào tạo ngoại ngữ.
PLO5	Biên soạn/phát triển chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy đáp ứng nhu cầu người học.
PLO6	Đánh giá tính khoa học, hiệu quả của nội dung tài liệu, giáo án trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ ở cấp độ được đào tạo.
PLO7	Kết hợp các kỹ năng căn bản và nâng cao về ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ năng giải quyết vấn đề trong công tác nghiên cứu, giảng dạy tiếng Anh.

#### 1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO8	Tôn trọng pháp luật, giữ gìn tác phong, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng.
PLO9	Thể hiện tinh thần hợp tác, thích nghi trong giai đoạn hội nhập quốc tế và học tập suốt đời.

## 2. Ma trận các học phần – Chuẩn đầu ra CTĐT

Phụ lục B.II.2 đính kèm.

### 3. Vị trí việc làm:

- Giảng dạy tiếng Anh ở các viện, trường hoặc trung tâm đào tạo ngoại ngữ.
- Làm việc độc lập, tự nghiên cứu, phối hợp làm việc hiệu quả trong tập thể đa ngành, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập được trong môi trường quốc tế.

**4. Khả năng nâng cao trình độ:** Có khả năng nghiên cứu trình độ cao hơn.

### 5. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

#### 5.1. Quy định về văn bằng, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm nghề nghiệp

Theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5.2. Đối tượng tuyển sinh

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập.

### 6. Danh mục ngành đúng, phù hợp, gần và khác

**6.1 Danh mục ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp:** Sư phạm Tiếng Anh

**6.2. Danh mục ngành gần và chương trình bổ sung kiến thức:**

- Ngôn ngữ Anh
- Tiếng Anh biên – phiên dịch
- Tiếng Anh thương mại
- Anh văn thương mại và truyền thông doanh nghiệp
- Tiếng Anh du lịch
- Tiếng Anh du lịch và thương mại

**\* Chương trình bổ sung kiến thức cho ngành gần**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		TS	LT	TH
1.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	3	1
2.	Nhập môn ngôn ngữ học	4	3	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>

*\* Ghi chú: Học viên chỉ được miễn học phần bổ sung kiến thức khi đúng tên học phần và số tín chỉ tích lũy bằng hoặc lớn hơn.*

### 6.3. Danh mục ngành khác và chương trình bổ sung kiến thức

Đối với đối tượng dự thi thuộc ngành khác phải học thêm các môn bổ túc kiến thức, bao gồm: Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/phù hợp và các ngành gần.

**\* Chương trình bổ sung kiến thức cho ngành khác:**

Dành cho đối tượng đã tốt nghiệp Đại học và có chứng chỉ quốc tế IELTS còn thời hạn, điểm trung bình 6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0) hoặc tương đương.

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác, được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học nước ngoài với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh (Văn bằng phải được Bộ GD & ĐT công nhận theo quy định) và hoàn thành các môn bổ sung kiến thức trước thời điểm công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện nhập học.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ		
		TS	LT	TH
1.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	3	1
2.	Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học	4	3	1
3.	Nhập môn ngôn ngữ học	4	3	1
4.	Viết học thuật	4	2	2
5.	Thống kê xã hội học	4	2	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>13</b>	<b>7</b>

### 7. Xét tuyển đầu vào:

Theo quy định chung.

### 8. Thời gian đào tạo

Từ 1,5 năm.

### 9. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ.
- Hoàn thành bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt yêu cầu.
- Ngoại ngữ: Đạt trình độ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

## C. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

*(Program structure and content)*

### I. Cấu trúc chương trình

<b>1. Kiến thức chung</b>	<b>04 tín chỉ</b>
<b>2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</b>	<b>29 tín chỉ</b>
2.1. Học phần bắt buộc	<i>11 tín chỉ</i>
2.2. Học phần tự chọn	<i>18 tín chỉ</i>

<b>3. Nghiên cứu khoa học</b>	<b>27 tín chỉ</b>
3.1. Đề án, chuyên đề nghiên cứu khác	12 tín chỉ
3.2. Luận văn	15 tín chỉ
<b>Tổng cộng</b>	<b>60 tín chỉ</b>

## II. Nội dung chương trình

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL		
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>140</b>	
1.	PNTH	801	Triết học	4	4	0	140	
<b>II. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</b>				<b>29</b>				
<b>2.1. Học phần bắt buộc</b>				<b>11</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>310</b>	
2.	LANA	806	Theories of Language Teaching and Learning ( <i>Lý thuyết dạy và học ngôn ngữ</i> )	2	1	1	55	
3.	LANC	803	Second Language Research Methods ( <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học ngôn ngữ thứ hai</i> )	2	1	1	55	
4.	LAVG	804	Literature and Language Teaching ( <i>Văn học và giảng dạy ngôn ngữ</i> )	2	1	1	55	
5.	LATN	509	Second Language Acquisition ( <i>Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai</i> )	2	1	1	55	
6.	LACN	529	Technology in Language Learning and Teaching ( <i>Công nghệ thông tin trong giảng dạy</i> )	3	2	1	90	
<b>2.2. Học phần tự chọn</b>				<b>18</b>				
7.	LAPP	807	English Teaching Methodology ( <i>Phương</i>	3	2	1	90	

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL		
			<i>pháp giảng dạy tiếng Anh</i>					
8.	LAEP	527	Pronunciation for English Teaching ( <i>Phát âm trong giảng dạy tiếng Anh</i> )	3	2	1	90	
9.	LADC	508	Contrastive Linguistics ( <i>Ngôn ngữ học đối chiếu</i> )	3	2	1	90	
10.	LANP	525	Communicative Grammar in Language Teaching ( <i>Ngữ pháp giao tiếp</i> )	2	1	1	55	
11.	LAHV	523	English Phonology ( <i>Âm vị học tiếng Anh</i> )	2	1	1	55	
12.	LANX	519	Sociolinguistics ( <i>Ngôn ngữ học xã hội</i> )	2	1	1	55	
13.	LAGL	506	Intercultural Communication ( <i>Giao tiếp liên văn hóa</i> )	3	2	1	90	
14.	LAGT	516	Teaching English to Young Learners ( <i>Giảng dạy tiếng Anh thiếu nhi</i> )	2	1	1	55	
15.	LALD	518	Theory of Translation ( <i>Lý thuyết dịch</i> )	3	2	1	90	
16.	LANH	515	Classroom Action Research ( <i>Nghiên cứu hành động trong lớp học</i> )	3	2	1	90	
17.	LATG	513	Language Teaching Practice ( <i>Thực hành giảng dạy ngôn ngữ</i> )	3	2	1	90	
18.	LASS	530	Statistic in Language Studies ( <i>Thống kê xã hội học</i> )	2	1	1	55	

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL		
19.	LATC	805	Curriculum Design (Thiết kế chương trình đào tạo)	3	2	1	90	
20.	LAVH	505	Academic Writing (Viết tiếng Anh học thuật)	2	1	1	55	
21.	LAPD	528	Professional Development for Language Teacher (Phát triển chuyên môn)	3	2	1	90	
22.	LAĐN	511	Language Testing (Đánh giá ngôn ngữ)	3	2	1	90	
<b>III. Nghiên cứu khoa học</b>				<b>27</b>	<b>0</b>	<b>27</b>		
<b>3.1. Chuyên đề nghiên cứu</b>				<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>		
23.	LACĐ	808	Seminar 1 (Chuyên đề nghiên cứu 1)	6	0	6		
24.	LACĐ	809	Seminar 2 (Chuyên đề nghiên cứu 2)	6	0	6		
<b>3.2. Luận văn</b>				<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>		
25.	LALV	820	Thesis (Luận văn)	15	0	15		
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>450</b>	
					<b>*Chưa kể TCTC</b>			